TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2018/HNGĐ-ST
Ngày 08-8-2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Nhạn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Thanh;

Bà Phạm Thị Vĩnh.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Gấm - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số 37/2018/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 853/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 1018/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị L, trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Ngọc L', trú tại: Thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Ngọc L' xây dựng hạnh phúc với nhau được tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung

sống tại thôn L, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng được khoảng 3 năm nhưng cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc nguyên nhân do anh L' không tu chí làm ăn, không chăm lo cho gia đình, anh uống rượu và chơi bời cờ bạc, anh L' yêu cầu chị về quê anh ở xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng chung sống. Vợ chồng chuyển về nhưng chỉ được khoảng 01 năm, anh L' vẫn chơi bời nên chị đưa con về quê ở xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng, anh L' lại theo chị về chung sống từ đó đến nay. Trong quá trình chung sống vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn do anh L' chơi bời, nợ nần chị phải trả nợ cho anh L', anh L' uống rượu không làm chủ bản thân còn đánh chửi, xúc phạm chị và gia đình chị. Vợ chồng sống không có hạnh phúc. Chị đã cố gắng chịu đựng vì các con nhưng anh L' không thay đổi. Hiện nay chị và anh L' ở chung một nhà nhưng vợ chồng sống ly thân nhau, không quan tâm đến nhau. Chị xét mâu thuẫn đã trầm trọng, kéo dài. Chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L'.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Ngọc L' có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Ly hôn chị nhận nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh L' cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Chị tự thỏa thuận với anh Nguyễn Ngọc L', chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L' từ khi thụ L vụ án đã được Toà án triệu tập nhiều lần nhưng anh L' đều vắng mặt không có L do nên anh không có lời khai.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị L có đơn xin ly hôn, bị đơn là anh Nguyễn Ngọc L' đã được Tòa án thông báo về việc thụ L vụ án, thông báo phiên họp, hòa giải nhưng anh L' đều vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị L đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Nguyễn Ngọc L' không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét áp dụng các Điều 19, 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L'; về con chung: Chị L và anh L' có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Căn cứ vào các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con Nguyễn Ngọc L1 và Nguyễn Mạnh Q cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, chị L không yêu cầu anh L' cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận; về

tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu giải quyết, đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Ngọc L' vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có L do, mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Nguyễn Ngọc L'.

- Về nội dung vụ án:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Ngọc L' xây dựng hạnh phúc với nhau trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 12 tháng 11 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh L' không quan tâm, chăm lo cho gia đình, anh chơi bời cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh chị mâu thuẫn được hai bên gia đình kết hợp hòa giải nhưng không có kết quả. Hiện nay anh chị vẫn ở chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau. Căn cứ vào các tài liệu xác minh tại địa phương cho thấy chị L và anh L' chung sống xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị L đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L' là có căn cứ phù hợp với Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị L và anh L' có 02 con chung là Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2004 và Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012. Ly hôn chị L đề nghị được nuôi 02 con và không yêu cầu anh L' cấp dưỡng. Xét hiện nay chị L có công việc có thu nhập và nhà ở ổn định. Cháu Nguyễn Ngọc L1 đã trên 7 tuổi có đơn đề nghị được ở với chị L. Anh L' hiện là lao động tự do, thu nhập không ổn định nên giao cả hai con Nguyễn Ngọc L1 và Nguyễn Mạnh Q cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi

khác theo quy định của pháp luật là phù hợp. Chị L không yêu cầu anh L' cấp dưỡng nuôi con được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chị Nguyễn Thị L được ly hôn anh Nguyễn Ngọc L'.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị L nuôi dưỡng con Nguyễn Ngọc L1, sinh ngày 06 tháng 9 năm 2004 và con Nguyễn Mạnh Q, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2012 cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con đối với anh Nguyễn Ngọc L'.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002812 ngày 02 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố Hải Phòng. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; anh Nguyễn Ngọc L' có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T, T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn

Nơi nhận:
- TAND TP. Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã T, T;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Nhạn